

Số: **93/2022/HS-ST**

Ngày 19/11/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Ngọc Đăng**
Ông **Nguyễn Mạnh Long**
Bà **Lê Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Từ Văn Hoàng Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

NGUYỄN NGỌC T (Tên gọi khác: không), sinh ngày xx/x/20xx tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Thôn TD, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Ngọc D (sinh năm 19xx) và bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 19xx); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con; Tiền sự: chưa; Tiền án: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2021; Nhân thân: Ngày 06/6/2019 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T:* Luật sư **Ông Quốc C**, Công ty luật TNHH Đ&C, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị hại:*

1/ Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn TD, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn TT, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3/ Ông **Trần Hoài P**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Kxx Nguyễn Đình Tú, phường HA, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn L**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường HM, quận LC, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Ông **Lê Ngọc D**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: 2xx/xx Trường Chinh, tổ xx, phường HA, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Ông **Trần Văn A1**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Khu xx, thị trấn R, huyện XL, tỉnh N. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1/ Ông **Nguyễn D**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn TD, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Ông **Nguyễn C**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn TD, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3/ Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: Thôn TD, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi chấp hành án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” về lại địa phương từ ngày 16/7/2021, Nguyễn Ngọc T không lo tu chí làm ăn mà thường xuyên ăn chơi, nghiện hút ma túy (cỏ Mỹ); trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2021 đến ngày 18/01/2022 Nguyễn Ngọc T đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 24/11/2021, Nguyễn Ngọc T lang thang ở khu vực bến xe Trung tâm Đà Nẵng. Vì không có tiền tiêu xài và không có tiền mua ma túy sử dụng, nên T nảy sinh ý định đến nhà của bà Nguyễn Thị A (sinh năm 19xx; trú tại thôn TT, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng) là di ruột của T để xin tiền. T thuê một người lái xe ôm grab tại bến xe và yêu cầu người này chở T đến địa chỉ nhà bà A. Khi đến nhà, T nói người này đợi T, còn T đi vào bên trong nhà thì gặp em Nguyễn T2 (sinh năm 20xx, con của bà A), T hỏi “có mẹ ở nhà không”, em T2 trả lời “không” và chạy lên lầu để gọi chị ruột điện thoại cho bà A. Khi em T2 chạy lên lầu, T ở dưới thấy ở góc phải của ngôi nhà gần cửa ra vào có để 01 cái máy khoan được đựng bên trong hộp nhựa, nên liền lấy trộm và bỏ đi ra bên ngoài lên xe grab chở đi. Chiếc máy khoan này T đã đem đến cửa hàng điện cơ PL – địa chỉ 3xx Tôn Đức Thắng, quận LC bán cho ông Nguyễn L được 300.000 đồng, ông L đã bán lại chiếc

máy khoan này cho người khác (không rõ lai lịch) được 400.000 đồng, tài sản không thu hồi được. T trả tiền xe grab hết 50.000 đồng, còn lại tiêu xài hết.

Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 16/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng kết luận: Chiếc máy khoan cầm tay nhãn hiệu Matel EG-55- trị giá 960.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/12/2021, khi đi bộ đến nhà nghỉ PA trên đường Hồng Thái thuộc phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Ngọc T phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Havico, BKS: 6xTx-34xx dựng trên vỉa hè trước cửa nhà nghỉ không có người trông coi. T liền lấy trộm chiếc xe mô tô nói trên điều khiển về nhà tại thôn TD, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Đến 21 giờ cùng ngày T điều khiển xe trên đi tìm chỗ bán lấy tiền, khi đi đến tuyến đường liên thôn thuộc thôn TD, xã N, huyện V thì bị tổ tuần tra 8394 Công an xã Hòa Nhơn tuần tra phát hiện bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 15/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Havico BKS: 6xTx-34xx trị giá 2.000.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Havico màu xanh, BKS: 6xTx-34xx, số khung: UM606170, số máy: FMH-H606170 là do anh Trần Văn A1 (sinh năm 19xx, trú: Khu xx thị trấn R, huyện XL, tỉnh N) đứng tên chủ sở hữu. Anh A1 khai vào cuối năm 2015 đã bán chiếc xe trên cho một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch), khi bán chỉ viết giấy tay. Anh Lê Ngọc D (sinh năm 19xx, trú: Tổ xx phường HA, quận L, thành phố Đà Nẵng) khai chiếc xe trên anh mua lại vào năm 2019 từ một người không rõ lai lịch, khi mua cũng chỉ viết giấy tay với giá 2.000.000 đồng và sử dụng cho đến nay. Vào ngày 12/12/2021 anh D cho bạn tên là Trần Hoài P mượn và bị Nguyễn Ngọc T lấy trộm.

Vụ thứ ba: Khoảng 06 giờ ngày 18/01/2022, Nguyễn Ngọc T thấy chị Nguyễn Thị T1 (sinh năm 19xx, mẹ ruột của T) đi chợ về nhà, T đi lại nói với chị T1 “Bà đi mô về mà cái mặt bà mê cam rứa”, chị T1 trả lời “Má đi chợ mua đồ ăn về ăn chứ mê chi”, T nói tiếp “Bà mua cá làm chi”, chị T1 trả lời “Má mua cá để nấu ăn chứ làm chi con”, T tiếp tục hỏi “Tiền mô bà mua xe”, chị T1 nói “Tiền má mượn của họ để mua xe chứ ở đâu con”. Nói chuyện xong, T đi ra chỗ để xe xong rồi lấy 01 cái chảo hình tròn (loại chảo đúc, có một cán dài) đi vào, T khóa cửa bên hông gần bếp lại. Chị T1 thấy vậy nói “Mở cửa ra để má ra ngoài đi rửa cá”, thì T nói “Cá chi mà cá” rồi T dùng tay phải cầm cái chảo đưa lên đánh một cái thật mạnh vào đầu của chị T1, lúc này chị T1 đang đội mũ bảo hiểm nên bị choáng váng và bỏ chạy lên nhà trên để mở cửa thoát thân. Khi chị T1 chạy đến cửa phòng ngủ thì T đuổi kịp và xô chị T1

vào phòng ngủ và khóa cửa lại. T xô chị T1 ngã lên giường rồi dùng tay phải cầm chảo đánh liên tiếp vào vùng đầu, vùng mặt, vùng ngực, vùng bụng của chị T1. Chị T1 la hét cầu cứu, van xin nhưng T không dừng lại mà vẫn tiếp tục đánh đến lúc chị T1 bất tỉnh. Sau đó, T mở cửa phòng ngủ đi ra và xuống bếp lấy 01 cái vá rồi quay lại phòng ngủ khóa cửa lại. T tiếp tục dùng tay phải cầm cái vá, xoay đầu nhọn của phần cán vá rồi đâm nhiều cái thật mạnh vào hai bên xương sườn của chị T1. Khi T thấy chị T1 bất tỉnh và chảy nhiều máu thì dừng lại. T lục trên người của chị T1 lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, tiền mặt 2.500.000 đồng và 01 chìa khóa xe mô tô. Sau đó T cắm chìa khóa vào xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS: 43Kx-5xx.xx của chị T1 rồi điều khiển xe bỏ trốn. Sau khi T bỏ trốn thì anh Nguyễn D1 (sinh năm 19xx, trú: thôn TD, xã N, huyện V) là hàng xóm của chị T1 phát hiện sự việc nên đến nhà của ông Nguyễn C (sinh năm 19xx, trú: thôn TD, xã N, huyện V là cha ruột chị T1) để báo sự việc. Ông C cùng con gái là chị Nguyễn Thị M (sinh năm 19xx, trú: thôn TD, xã N, huyện V) chạy đến mở cửa phòng ngủ để đưa chị T1 đi cấp cứu. Về phần T, ngày 24/01/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang phát hiện T điều khiển xe mô tô mà T lấy của bà T1 đi ngoài đường nên tiến hành triệu tập T về làm việc.

+ Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 61 ngày 23/3/2022 của Trung tâm giám định pháp y thành phố Đà Nẵng kết luận thương tích của chị Nguyễn Thị T1 như sau:

- Vết thương chấn thương hàm mắt: Sưng nề vùng mắt, vỡ xương hàm trái, vỡ sụn hốc mắt trái đã được điều trị. Hiện tại vùng mắt hết sưng nề, các tổn thương bên ngoài đã lành sẹo, khuôn mặt cân xứng, nạn nhân há miệng và ăn uống được, hai mắt nhìn bình thường.

- Chấn thương ngực kín: Gãy nhiều xương sườn hai bên, gãy xương ức, đụng dập hai bên phổi, gây tràn khí màng phổi trái, tràn khí tràn máu màng phổi phải, đã phẫu thuật dẫn lưu màng phổi hai bên. Hiện tại các vết mổ dẫn lưu bên ngoài đã lành sẹo, nạn nhân không ho, không khó thở, lồng ngực hai bên cân xứng và di động đều theo nhịp thở, rì rào phế nang nghe rõ ở hai phế trường. Trên phim kiểm tra không thấy di chứng xẹp phổi, dày dính màng phổi.

- Chấn thương đụng dập gan trái đã được điều trị nội khoa bảo tồn. Hiện tại bụng mềm, không đau, không chướng, không có phản ứng thành bụng, gan và lách không lớn, nạn nhân khai ăn uống và đại tiện bình thường.

- Các tổn thương phần mềm như đã nêu trên.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 57%.

+ Kết luận định giá tài sản số 13 ngày 16/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Futurer, BKS: 43Kx – 5xx.xx có trị giá 27.450.000 đồng.

+ Đối với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá, nhưng tại Bản kết luận định giá tài sản số 143 ngày 16/2/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng kết luận: Không có cơ sở để định giá do không thu hồi được tang vật. Chị Nguyễn Thị T1 khai chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh mua vào năm 2021 với giá trị là 2.700.000 đồng, trị giá còn lại tại thời điểm ngày 18/01/2022 là 1.000.000 đồng.

+ Tại Bản kết luận giám định số 684 ngày 09/6/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an tại Đà Nẵng kết luận:

- Trong dấu vết nghi máu thu tại hiện trường và trên chảo có máu của chị Nguyễn Thị T1.

- Trên vá, trên gối và trên mũ có máu người, do chất lượng dấu vết kém không giám định được ADN cho nên không truy nguyên được đối tượng.

- Trên 02 đầu lọc thuốc lá thu tại hiện trường có ADN của Nguyễn Ngọc T.

*** Về tang vật chứng thu giữ:**

- Xe mô tô nhãn hiệu Future, BKS: 43Kx – 5xx.xx là của chị Nguyễn Thị T1 làm chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị T1.

- Xe mô tô nhãn hiệu Havico màu xanh, BKS: 6xTx-34xx, số khung: UM606170, số máy: FMH-H606170.

- Các dấu vết máu tại hiện trường; 02 mũ bảo hiểm (một mũ màu cam và một mũ màu vàng); 01 chiếc gối và mũ vải có dính máu; 01 chiếc vá bằng Inox; 01 chiếc chảo bằng kim loại; 02 đầu lọc thuốc lá; 01 đồng hồ làm bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có ghi dòng chữ Casio; 01 chạn ná bằng kim loại, màu trắng, có quần dây vải xanh và đỏ.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Chị Nguyễn Thị T1 và chị Nguyễn Thị A không có yêu cầu bồi thường. Anh Lê Ngọc D và anh Trần Hoài P có đề nghị xin được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Havico, BKS: 6xTx-34xx.

Trong quá trình điều tra thì Nguyễn Ngọc T đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại Bản cáo trạng số 107/CT-VKSDN-P2 ngày 11/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về các tội:

- Tội “Giết người” theo điểm đ, e, n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

- Tội “Cướp tài sản” theo điểm b khoản 3 Điều 168 Bộ luật Hình sự.
- Tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần quyết định truy tố; giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Giết người” theo điểm đ, e, n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đã được nêu tại Bản cáo trạng số 107/CT-VKSĐN-P2 ngày 11/10/2022. Riêng đối với tội “Cướp tài sản” đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

+ Căn cứ: Điểm đ, e, n, p khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Ngọc T 15 đến 16 năm tù về tội Giết người.

+ Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Ngọc T 09 đến 10 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

+ Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Ngọc T 04 đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 03 tội đối với bị cáo là từ 28 đến 30 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/01/2022.

+ Về phần trách nhiệm dân sự: Do bị hại là bà T1 và bà A không có yêu cầu bồi thường, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

+ Về phần xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý như đề xuất đã nêu tại bản cáo trạng.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã nêu và kết luận. Trình bày về nguyên nhân, mục đích, động cơ phạm tội bị cáo cho rằng: Sau khi chấp hành án phạt tù về lại địa phương, do không có việc làm, lại nghiện hút ma túy nên bị cáo thường xuyên thực hiện hành vi trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài; việc bị cáo dùng chao và vá đánh nhiều cái vào cơ thể bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột) là trong tình trạng đã sử dụng ma túy và muốn có tiền để tiêu xài và mua ma túy sử dụng cho bản thân.

- Quan điểm bào chữa của luật sư Ông Quốc C cho bị cáo như sau: Không có ý kiến gì về tội danh, điểm khoản Điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như: Hậu quả chết người chưa xảy ra nên bị cáo phạm tội “Giết người” trong trường hợp phạm tội chưa đạt; giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trong tội Trộm cắp là không lớn; tài sản là xe máy trong tội Cướp tài sản đã được thu hồi; người bị hại là bà T1 và bà A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

- Bị hại là bà Nguyễn Thị T1 không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản tiền chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần và giá trị tài sản bị cướp; bà T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại là bà Nguyễn Thị A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị của chiếc máy khoan cầm tay và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin nhận tội, đã ăn năn hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Sau khi kiểm tra và đánh giá, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên là hợp pháp, đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Ngọc T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; kết luận giám định pháp y về thương tích, các kết luận về định giá tài sản...; Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; Luận cứ bào chữa của Luật sư cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Nguyễn Ngọc T là đối tượng có nhân thân xấu, năm 2019 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”,

chưa được xóa án tích thì năm 2020 tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù cũng về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án này Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã xác định T là đối tượng tái phạm. Ngày 16/7/2021, Nguyễn Ngọc T chấp hành xong bản án về lại địa phương, nhưng không chịu tu chí làm ăn, không có việc làm, nghiện hút ma túy, mặc dù chưa được xóa án tích nhưng từ ngày 24/11/2021 đến ngày 18/01/2022, Nguyễn Ngọc T đã liên tiếp thực hiện nhiều hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

[2.1] Về hành vi Trộm cắp tài sản:

- Khoảng 11 giờ ngày 24/11/2021, tại thôn TT, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nguyễn Ngọc T đã lén lút lấy trộm của chị Nguyễn Thị A (dì ruột của bị cáo) 01 cái máy khoan cầm tay, trị giá 960.000 đồng, đem đi bán được 300.000 đồng tiêu xài cá nhân, tài sản không thu hồi được.

- Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/12/2021, tại trước nhà nghỉ PA trên đường Hồng Thái, thuộc phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nguyễn Ngọc T tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Havico, BKS: 6xTx-34xx, trị giá 2.000.000 đồng của anh Lê Ngọc D (tại thời điểm bị lấy trộm, xe đang do anh Trần Hoài P quản lý sử dụng); sau khi lấy trộm được xe, bị cáo đang trên đường đi tiêu thụ thì bị Công an xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tuần tra phát hiện bắt giữ.

Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, có mức phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật..

[2.2] Về hành vi Giết người:

- Trong thời gian cơ quan chức năng đang điều tra về hành vi trộm cắp nêu trên, khoảng 06 giờ ngày 18/01/2022 tại nhà của bà Nguyễn Thị T1 (mẹ của T) tại thôn TD, xã N, huyện V, thành phố Đà Nẵng, do trước đó bà T1 hay la mắng T, T nhiều lần xin tiền của bà T1 và xin tiền mua xe máy nhưng bà T1 không cho, nên khi thấy bà T1 đi chợ mua cá về thì T tìm cách gây sự, sau đó T lấy một cái chảo đúc bằng kim loại đánh một cái vào vùng đầu của bà T1, bà T1 hoảng sợ bỏ chạy thì T đuổi theo và đẩy bà T1 vào trong phòng ngủ khóa cửa phòng ngủ lại và tiếp tục dùng chảo đánh liên tiếp nhiều cái theo hướng từ trên xuống vào vùng đầu, vùng mặt, vùng ngực và vùng bụng của bà T1, bà T1 van xin la hét cầu cứu nhưng T vẫn đánh cho đến khi bà T1 bất tỉnh. Không dừng lại ở đó, T tiếp tục đi xuống bếp lấy 01 cái vá bằng Inox quay lại phòng ngủ, khóa cửa lại, xoay ngược phần nhọn của cán vá rồi đâm nhiều cái vào hai bên xương sườn của bà T1, cho đến khi bà T1 chảy nhiều máu

và bất tỉnh thì T mới dừng lại, khóa cửa phòng ngủ và trèo tường thoát ra ngoài, để mặc cho hậu quả xảy ra. Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo về việc trước đó bà T1 hay la mắng T, T nhiều lần xin tiền của bà T1 để mua xe máy nhưng bà T1 không cho; căn cứ vào tính chất nguy hiểm, mức độ sát thương của hung khí mà bị cáo dùng để tấn công bà T1; căn cứ vào cường độ tấn công, cách thức mà bị cáo thực hiện hành vi xâm hại lên các vị trí trên cơ thể của bà T1; căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y về thương tích trên cơ thể của bà T1 thể hiện có nhiều vết thương như: Chấn thương hàm mặt, sưng nề vùng mặt, vỡ xương hàm trái, vỡ sụn hốc mắt trái; Chấn thương ngực kín gây gãy nhiều xương sườn hai bên, gãy xương ức, đụng dập hai bên phổi, gây tràn khí màng phổi trái, tràn khí tràn máu màng phổi phải; Chấn thương đụng dập gan trái... Tổng tỷ lệ thương tích là 57%. Do vậy, có căn cứ xác định hành vi của bị cáo là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác, bị cáo đã cố ý, chủ định sử dụng hung khí nguy hiểm, có khả năng gây sát thương cao, cố ý có chủ định tấn công nhiều cái, nhiều lần vào các vị trí trọng yếu trên cơ thể của bị hại, thực hiện hành vi một cách quyết liệt, cố ý thực hiện tội phạm đến cùng, bị cáo chỉ dừng lại hành vi tấn công bà T1 khi thấy bà T1 chảy nhiều máu và đã bất tỉnh; việc bà T1 chưa chết là nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo và do được người nhà phát hiện đưa đi Bệnh viện cứu chữa kịp thời. Hành vi này của bị cáo là có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo các tình tiết định khung là “Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng...”, “Giết người mà.... liền sau đó thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”, “Có tính chất côn đồ” và “Tái phạm nguy hiểm”, quy định tại các điểm đ, e, n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, có mức phạt từ 12 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình, như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật..

[2.3] Về hành vi Cướp tài sản:

- Ngay sau khi thực hiện hành vi dùng vũ lực, hung khí nguy hiểm tấn công bà T1, thấy bà T1 nằm bất tỉnh, bị cáo tiếp tục lục tìm trên người bà T1 lấy đi 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh trị giá 1.000.000 đồng, tiền mặt 2.500.000 đồng và 01 xe máy nhãn hiệu Future, BKS: 43Kx-5xx.xx trị giá 27.450.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 30.950.000 đồng rồi bỏ trốn cho đến ngày 24/01/2022 thì bị bắt giữ. Hành vi này của bị cáo còn phạm tội “Cướp tài sản” theo tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, có mức phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKSĐN-P2 ngày 11/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo T về tội “Cướp tài sản” ở tình tiết định khung “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%” theo điểm b khoản 3 Điều 168 Bộ luật Hình sự có mức phạt

tù từ 12 năm đến 20 năm tù là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã căn cứ Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự, thay đổi một phần quyết định truy tố, xác định bị cáo T phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là chính xác, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án do bị cáo gây ra, xét các tình tiết thuộc về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội; bị cáo phạm nhiều tội bao gồm cả tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; xâm phạm nhiều khách thể khác nhau bao gồm quyền được bảo hộ về tính mạng sức khỏe và quyền sở hữu về tài sản của công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng cực kỳ xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, đặc biệt hành vi Giết mẹ, người đã sinh thành và nuôi dưỡng bị cáo là hành vi bất hiếu, trái với luân thường đạo lý, thuần phong mỹ tục của con người, khiến cho dư luận bất bình, lên án, yêu cầu xử phạt nghiêm minh.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, là đối tượng tái phạm nguy hiểm ở cả 03 tội; đối với tội “Giết người” bị cáo phạm vào 04 tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Giết người” và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Trộm cắp tài sản”.

Do vậy, đối với bị cáo cần phải xử phạt mức án thật nghiêm khắc, ở mức cao của khung hình phạt mà các Điều luật quy định, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thật dài để trừng trị, răn đe, cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và để phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nhận tội; người bị hại là bà T1 và bà A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản tiền về điều trị thương tích, tổn thất tinh thần và giá trị tài sản bị cướp; bà Nguyễn Thị A

không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị của chiếc máy khoan cầm tay; xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Havico bị cáo lấy trộm của anh Trần Hoài P (thực tế là xe của Lê Ngọc D) đã được thu hồi, nên không đề cập đến vấn đề buộc bị cáo phải bồi thường.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Havico màu xanh, BKS: 6xTx-34xx, số khung: UM606170, số máy: FMH-H606170, cần trả lại cho anh Lê Ngọc D; anh D phải có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản trên theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 02 mũ bảo hiểm (một mũ màu cam và một mũ màu đen); 01 chạn ná bằng kim loại, màu trắng, có quần dây vải xanh và đỏ; Mũ hoàn trả sau giám định là các dấu vết máu tại hiện trường, 01 chiếc gối và mũ vải có dính máu, 01 chiếc vá bằng Inox, 01 chiếc chảo bằng kim loại, 02 đầu lọc thuốc lá do không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 đồng hồ làm bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có ghi dòng chữ Casio thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm các tội “*Giết người*”, “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều khoản Bộ luật Hình sự áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

- + Căn cứ: Điểm đ, e, n, p khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Ngọc T 18 (Mười tám) năm tù về tội “Giết người”.

- + Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Ngọc T 08 (Tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- + Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Ngọc T 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của cả 03 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 29 (Hai mươi chín) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/01/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại: Không đề cập giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Tuyên:

- Trả lại cho anh Lê Ngọc D 01 xe mô tô nhãn hiệu Havico màu xanh, BKS: 6xTx-34xx, số khung: UM606170, số máy: FMH-H606170.

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ 01 hộp giấy niêm phong phần mép được dán giấy trắng có hình dấu của Phân viện Khoa học hình sự, theo kết luận giám định số 684/KL-KTHS ngày 09/6/2022 bên trong có: Phần còn lại dấu vết nghi máu ghi thu tại hiện trường; 02 đầu lọc thuốc lá; 01 chiếc vá bằng Inox; 01 chiếc chảo bằng kim loại; 01 chiếc gối và mũ vải có dính máu;

+ 01 chạn ná bằng kim loại, màu trắng, có quần dây vải xanh và đỏ;

+ 02 mũ bảo hiểm (một mũ màu cam và một mũ màu đen);.

- Tiếp tục quy trữ 01 đồng hồ làm bằng kim loại, màu vàng, trên mặt có ghi dòng chữ Casio thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện Cục Thi hành án thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2022).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Minh Long